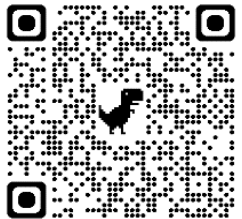
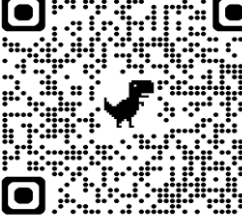
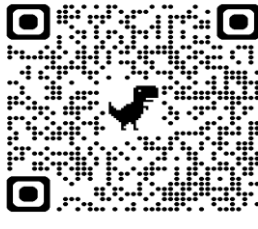
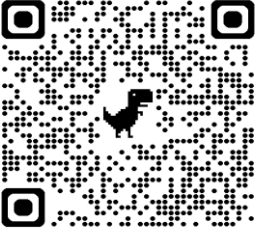
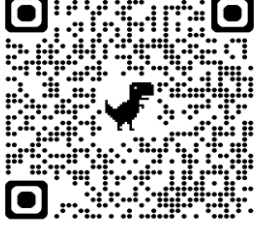


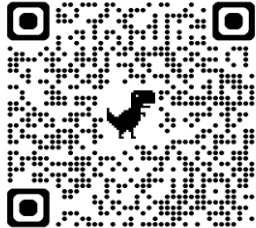
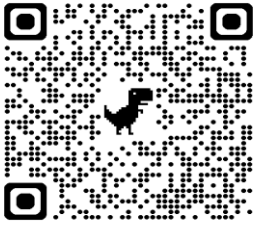
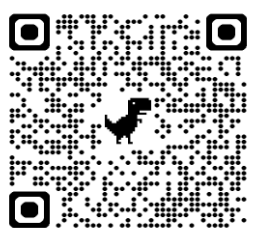
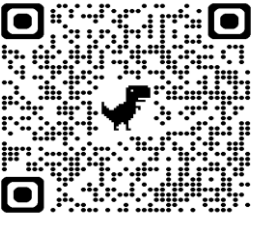
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NIÊM YẾT BẰNG MÃ QR-CODE

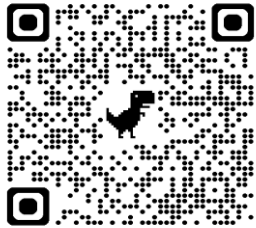
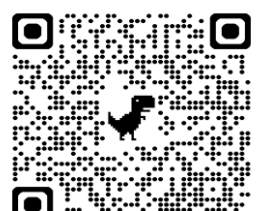
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH TƯ PHÁP

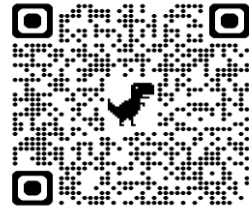
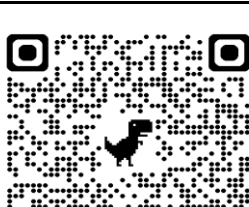
(Kèm theo Thông báo Số: /TB-STP ngày tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Sở Tư pháp)

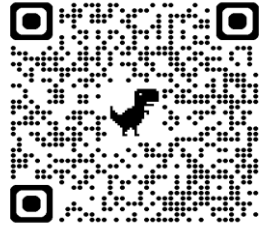
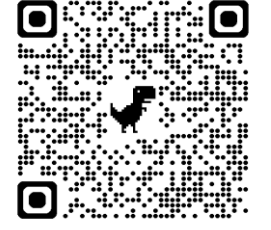
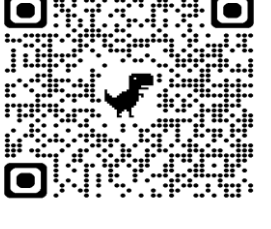
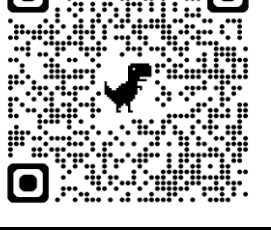
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ công bố UBND	Lĩnh vực	Cấp thực hiện	QR Code
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BỒ TRỢ TƯ PHÁP					
1	1.013.859	Cấp thẻ công chứng viên	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
2	1,013856	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
3	1.013.849	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

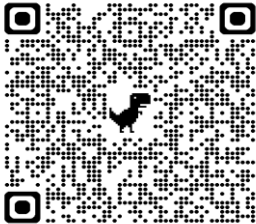
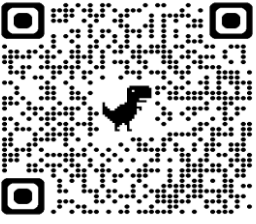
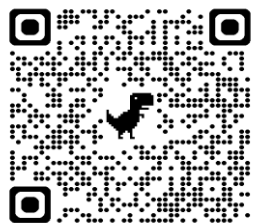
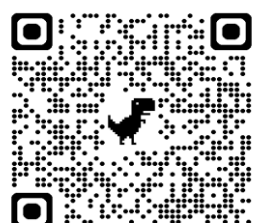
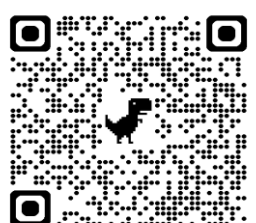
4	1,013852	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
5	1,013846	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
6	1.013840	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
7	1,013848	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
8	1,013836	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

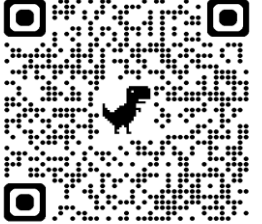
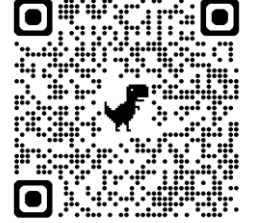
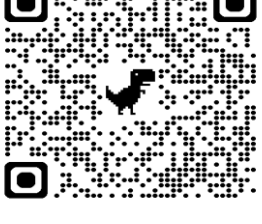
9	1,013853	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
10	1,013843	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
11	1,013832	Thu hồi Thẻ công chứng viên	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
12	1,013842	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
13	1,013837	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

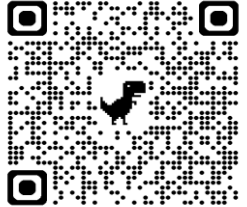
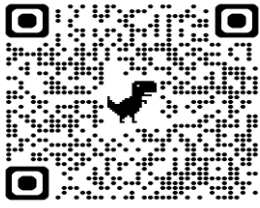
14	1,013834	Thành lập Văn phòng công chứng	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
15	1,013839	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
16	1,013835	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
17	1,013818	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
18	1.013830	Cấp lại Thẻ công chứng viên	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

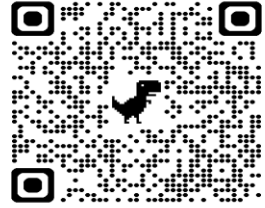
19	1,013816	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
20	1.013810	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
21	1,013808	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
22	1,013806	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
23	1,013805	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

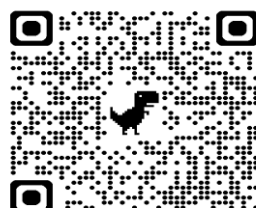
24	3,000444	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
25	1,013807	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
26	1,013804	Bổ nhiệm lại công chứng viên	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
27	1,013812	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
28	1,013803	Bổ nhiệm công chứng viên	460/QĐ-UBND	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

29	1,013635	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	1835/QĐ-UBND	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
30	1,013634	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	1835/QĐ-UBND	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
31	1,009832	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	1577/QĐ-UBND	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
32	1,009284	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	2423/QĐ-UBND	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
33	1,009283	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (cấp tỉnh)	2423/QĐ-UBND	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

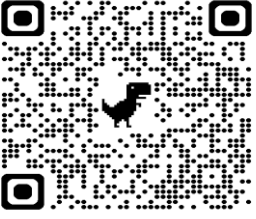
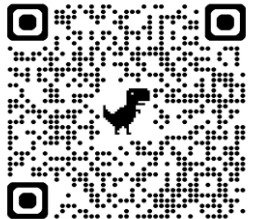
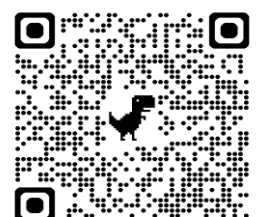
34	1,008936	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
35	1,008934	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
36	1,008932	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
37	1,008937	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
38	1,008935	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

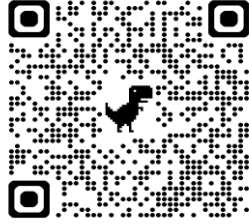
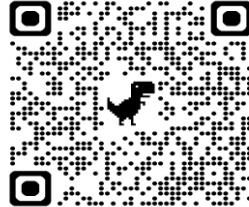
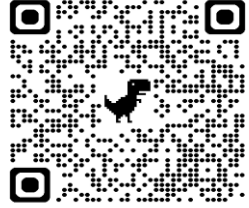
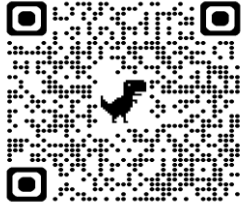
39	1,008933	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
40	1,008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
41	1.008930	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
42	1,008929	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
43	1,008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

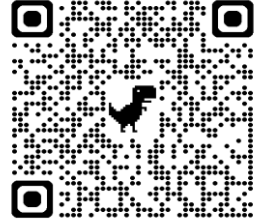
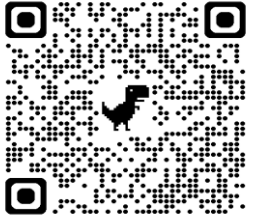
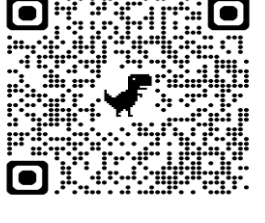
44	1,008924	Bổ nhiệm lại Thừa phát lại	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
45	1,008923	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
46	1,008922	Bổ nhiệm Thừa phát lại	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
47	1,008928	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
48	1,008927	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

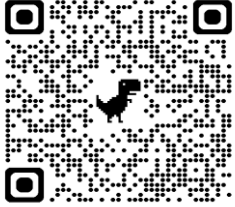
49	1,008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
50	1,008921	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài	2152/QĐ-UBND	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
51	1,008916	Thay đổi tên gọi, Trường chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trường chi nhánh	2423/QĐ-UBND	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
52	1,008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập	2423/QĐ-UBND	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
53	1,008914	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2423/QĐ-UBND	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

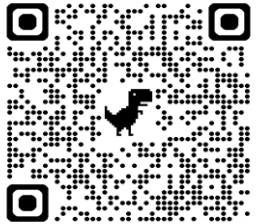
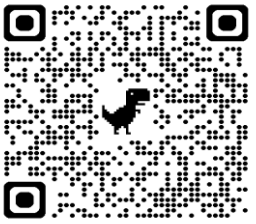
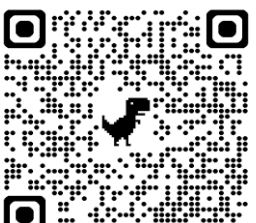
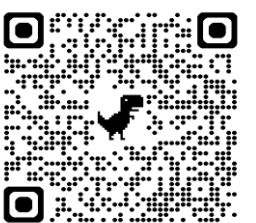
54	1.008910	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	2423/QĐ-UBND	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
55	1,008909	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	2423/QĐ-UBND	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
56	1,008908	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2423/QĐ-UBND	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
57	1,008905	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2193/QĐ-UBND	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
58	1,008913	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập	2423/QĐ-UBND	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

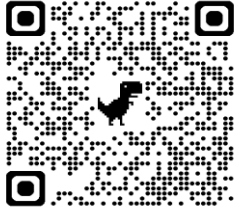
59	1,008911	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2423/QĐ-UBND	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
60	1,008907	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	2423/QĐ-UBND	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
61	1,008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	2193/QĐ-UBND	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
62	1,008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	2193/QĐ-UBND	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
63	1,008890	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	2193/QĐ-UBND	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

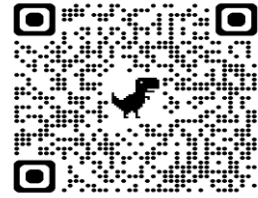
64	1,008888	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	2193/QĐ-UBND	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
65	1,008887	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	2193/QĐ-UBND	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
66	1,008886	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	2193/QĐ-UBND	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
67	1,008889	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	2193/QĐ-UBND	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
68	1,008885	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	2193/QĐ-UBND	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

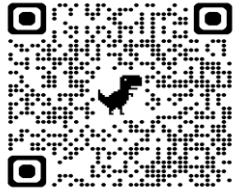
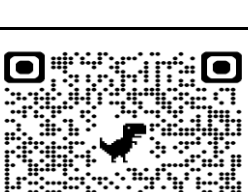
69	1,008727	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	2195/QĐ-UBND	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
70	1,008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
71	1,008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
72	1,008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
73	1,008614	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

74	2,002139	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	1835/QĐ-UBND	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
75	2,001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	2423/QĐ-UBND	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
76	1,003915	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	2192/QĐ-UBND	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
77	2,001406	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	438/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
78	2,001395	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	1835/QĐ-UBND	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

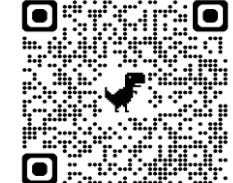
79	2,001333	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	1835/QĐ-UBND	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
80	2,001258	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	1835/QĐ-UBND	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
81	2,001247	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	1835/QĐ-UBND	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
82	2,001225	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	1835/QĐ-UBND	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
83	2,001130	Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	2195/QĐ-UBND	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

84	1,002681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	2195/QĐ-UBND	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
85	2,001117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	2195/QĐ-UBND	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
86	1,002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	2195/QĐ-UBND	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
87	2,001035	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2194/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
88	1,002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
89	1,002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

90	2,001019	Thủ tục chứng thực di chúc	2194/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
91	1,002368	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
92	2,001016	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2194/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
93	2,001009	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	438/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
94	2,001008	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	438/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
95	2,000992	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	438/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	

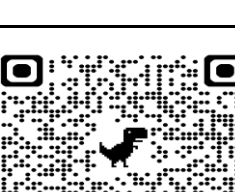
96	2,000977	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	3101/QĐ-UBND	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
97	1.002234	Sáp nhập công ty luật	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
98	2,000970	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	3101/QĐ-UBND	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
99	1,002218	Hợp nhất công ty luật	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
100	1,002198	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
101	1,002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

102	2,000942	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	438/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
103	1,002153	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
104	2,000927	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	438/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
105	1,002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
106	2,000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	438/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
107	1,002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

108	2,000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	438/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	
109	1,002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
110	1,002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
111	2,000894	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp cấp tỉnh	2069/QĐ-UBND	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
112	2,000890	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	2069/QĐ-UBND	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
113	1,002010	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

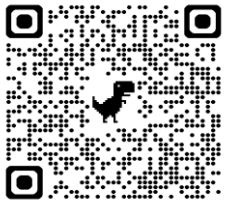
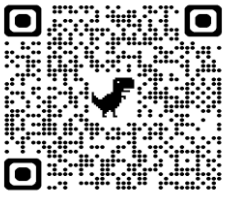
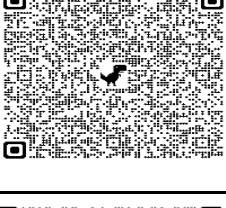
114	2,000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	2194/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
115	1,001928	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
116	2,000823	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	2069/QĐ-UBND	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
117	1,001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	2195/QĐ-UBND	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
118	2,000822	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	2193/QĐ-UBND	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
119	2,000819	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	2193/QĐ-UBND	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

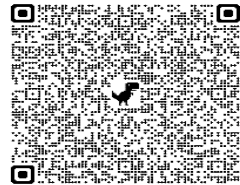
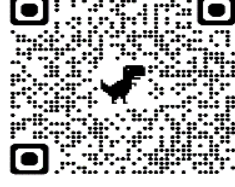
120	2,000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	438/QĐ-UBND	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
121	1,001633	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	2195/QĐ-UBND	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
122	1,001609	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	2193/QĐ-UBND	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
123	1,001600	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	2195/QĐ-UBND	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
124	1,001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	2193/QĐ-UBND	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
125	1,001216	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp cấp tỉnh	2069/QĐ-UBND	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

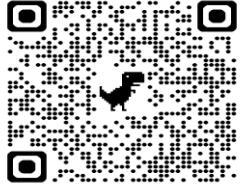
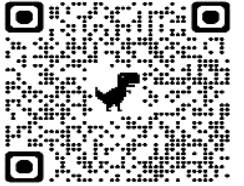
126	2,000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	2069/QĐ-UBND	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
127	2,000555	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	2069/QĐ-UBND	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
128	1,001122	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	2069/QĐ-UBND	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
129	1,001117	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	2069/QĐ-UBND	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
130	2,000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	2423/QĐ-UBND	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
131	1,000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

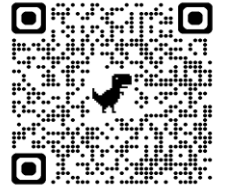
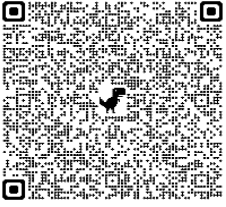
132	1,000802	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	2192/QĐ-UBND	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
133	1,000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	2190/QĐ-UBND	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
134	1,000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	2191/QĐ-UBND	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
135	1,000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	2191/QĐ-UBND	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
136	1,000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	2191/QĐ-UBND	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
137	1,000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	2191/QĐ-UBND	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

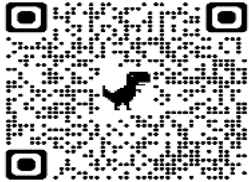
138	1,000404	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	2191/QĐ-UBND	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
139	1,000390	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	2191/QĐ-UBND	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HỘ TỊCH, NUÔI CON NUÔI, QUỐC TỊCH					
140	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
141	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
142	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	
143	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2189/QĐ-UBND	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	

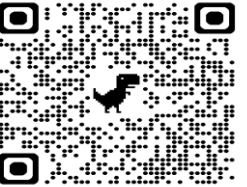
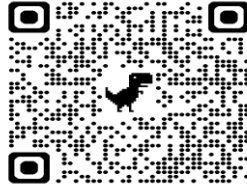
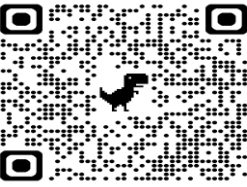
144	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	2189/QĐ-UBND	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
145	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
146	1.005461	Đăng ký lại khai tử	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
147	2.002039	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	593/QĐ-UBND	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
148	2.002038	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	593/QĐ-UBND	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
149	2.002036	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	593/QĐ-UBND	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

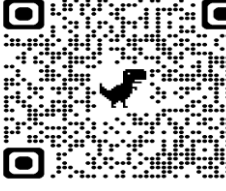
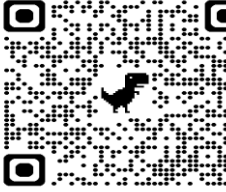
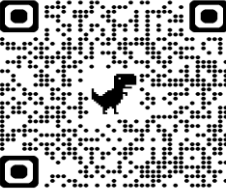
150	1.005136	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	593/QĐ-UBND	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
151	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
152	1.004878	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	2189/QĐ-UBND	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
153	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
154	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
155	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	

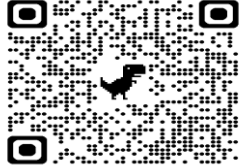
156	1.004837	Thủ tục đăng ký giám hộ	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
157	1.004827	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
158	2.001895	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	593/QĐ-UBND	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	
159	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
160	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
161	1.003976	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	2189/QĐ-UBND	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

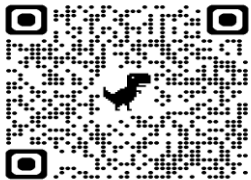
162	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
163	1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	2189/QĐ-UBND	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
164	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	2189/QĐ-UBND	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
165	1.003160	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	2189/QĐ-UBND	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
166	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	2189/QĐ-UBND	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
167	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2189/QĐ-UBND	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	

168	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	2189/QĐ-UBND	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
169	2.001023	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	559/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
170	2.000986	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	559/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
171	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
172	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
173	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	

174	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
175	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
176	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
177	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
178	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	
179	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	

180	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
181	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
182	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
183	2,000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
184	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
185	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	

186	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
187	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
188	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
189	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
190	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
191	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	

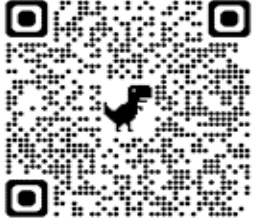
192	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
193	1.000110	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
194	1.000094	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
195	1,00008	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	2151/QĐ-UBND	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
III	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT					
196	3.000.024	Đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	2154/QĐ-UBND	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

197	1.005.464	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	2154/QĐ-UBND	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
198	2.002.080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	559/QĐ-UBND	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
199	1.002.211	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	559/QĐ-UBND	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
200	2.000.950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	559/QĐ-UBND	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
201	2.000.930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	559/QĐ-UBND	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	

202	2.000.424	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	2155/QĐ-UBND	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	Cấp Xã	
IV	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ					
203	2,000829	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	530/QĐ-UBND	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
204	2,000587	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	530/QĐ-UBND	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
205	2,000518	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	530/QĐ-UBND	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

206	1.001233.000.00.00.H1 9	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	499/QĐ-UBND	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
207	2.000596.000.00.00.H1 9	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	559/QĐ-UBND	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
208	2,000954	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	559/QĐ-UBND	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
209	2.000840	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	499/QĐ-UBND	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	

210	2.001680	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	530/QĐ-UBND	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
211	2,001687	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	530/QĐ-UBND	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
212	2,000592	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	530/QĐ-UBND	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Cấp Tỉnh	
V	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC					
213	2,002193	Thủ tục xác định cơ quan giải, quyết bồi thường	2151/QĐ-UBND	Bồi thường nhà nước	Cấp tỉnh	

214	2,002192	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	2151/QĐ-UBND	Bồi thường nhà nước	Cấp tỉnh	
215	2,002191	Thủ tục phục hồi danh dự	2151/QĐ-UBND	Bồi thường nhà nước	Cấp tỉnh	
216	2,002165	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	2151/QĐ-UBND	Bồi thường nhà nước	Cấp xã	